Biêu 10/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023
CỦA THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp: Đất rừng phòng hộ	Đất lâm nghiệp: Đất rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã: Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
(1)	(2)	(3)	(4)	(9)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(19)	(21)	(24)	(26)	(28)	(33)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(48)	(49)	(52)	(54)	(57)	(58)	(59)	(60)	(62)	(63)	(64)	(66)
1	**Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**			**958,65**	**237,32**	**178,37**	**58,95**	**90,65**	**144,50**	**2,47**	**391,79**	**4,53**			**0,22**	**14,76**	**12,70**			**0,10**	**0,21**				**14,86**		**0,09**	**8,10**	**10,64**	**0,28**		**0,00**		**1,15**	**24,28**
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**			**24,92**	**2,26**	**2,26**		**0,13**	**7,12**		**13,30**				**0,21**	**0,45**	**0,20**			**0,06**									**0,71**	**0,27**					**0,21**
a	**Đất Quốc Phòng**			**24,57**	**2,26**	**2,26**		**0,11**	**7,12**		**13,30**				**0,21**	**0,45**	**0,20**												**0,71**						**0,21**
1	Trường bắn, thao trường huấn luyện cho LLVT Hoài Nhơn (tại Hóc Kẻ - Giao Hội 1)	CQP	Phường Hoài Tân	**13,76**	2,26	2,26			6,71		4,17					0,26	0,20																			0,16
		CQP	Phường Hoài Thanh Tây	**6,24**							6,05					0,19																				
2	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị xã Hoài Nhơn	CQP	Phường Hoài Tân	**1,30**				0,05	0,28						0,21														0,71						0,05
3	Trận địa SMPK 12,7mm	CQP	Phường Hoài Thanh	**0,19**				0,06	0,13																											
4	Công trình đường hầm Sh02-BĐ13	CQP	Phường Hoài Hảo	**3,08**							3,08																									
b	**Đất An ninh**			**0,35**				**0,02**												**0,06**										**0,27**						
1	Công an xã	CAN	Xã Hoài Sơn	**0,16**																										0,16						
2	Công an xã	CAN	Xã Hoài Hải	**0,05**																										0,05						
3	Công an xã	CAN	Xã Hoài Châu Bắc	**0,06**																										0,06						
4	Công an xã	CAN	Xã Hoài Châu	**0,08**				0,02												0,06																
1.2	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**			**933,73**	**235,06**	**176,11**	**58,95**	**90,52**	**137,38**	**2,47**	**378,49**	**4,53**			**0,01**	**14,31**	**12,50**			**0,04**	**0,21**				**14,86**		**0,09**	**8,10**	**9,93**	**0,01**		**0,00**		**1,15**	**24,07**
1.2.1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**			**356,23**	**149,08**	**148,13**	**0,95**	**38,17**	**38,81**		**104,23**					**5,86**	**1,61**			**0,04**	**0,21**				**3,05**		**0,09**	**2,59**	**9,18**	**0,01**		**0,00**		**0,59**	**2,70**

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	**Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025(đoạn qua thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định): Đường giao thông (tuyến chính); Khu tái định cư; Mỏ san lấp; Bãi thải; Khu cải táng**			**356,23**	**149,08**	**148,13**	**0,95**	**38,17**	**38,81**		**104,23**					**5,86**	**1,61**			**0,04**	**0,21**				**3,05**		**0,09**	**2,59**	**9,18**	**0,01**		**0,00**		**0,59**	**2,70**
a	**Đất giao thông**			**250,31**	**130,03**	**130,03**		**33,40**	**23,93**		**39,73**					**5,49**	**0,68**			**0,04**	**0,21**				**2,87**		**0,09**	**2,59**	**8,04**	**0,01**		**0,00**		**0,56**	**2,65**
1	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	DGT	Xã Hoài Sơn	**54,89**	35,39	35,39		2,70	0,45		13,69									0,01	0,21				0,08			2,11		0,01				0,01	0,23
1	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông,	DGT	Xã Hoài Châu	**23,27**	18,54	18,54		4,24	0,16																			0,02						0,30	0,01

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
	giai đoạn 2021-2025		Bắc																																	
1	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	DGT	Xã Hoài Châu	**20,23**	16,83	16,83		1,11	0,46							1,65									0,01			0,12				0,00		0,01	0,04
		DGT	Xã Hoài Phú	**22,51**	19,70	19,70		0,43	2,04																			0,34							

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
										Đất lâm nghiệp						Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã																				
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
		DGT	Phường Hoài Hảo	**22,26**	10,64	10,64		1,1	3,35		2,44					1,36	0,68			0,02					0,08		0,09		2,38					0,06	0,06
		DGT	Phường Hoài Thanh Tây	**45,09**	6,84	6,84		11,80	5,05		16,50														2,44				1,58					0,04	0,84
1	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông,																																			

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
	[illegible] giai đoạn 2021-2026	DGT	Phường Hoài Tân	**36,44**	10,00	10,00		9,54	11,28											0,01					0,17				3,91					0,11	1,41
1	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2026	DGT	Phường Bồng Sơn	**19,54**	11,30	11,30		0,13	0,010		6,59					1,48									0,0016									0,020	0,01
		DGT	Phường Hoài Đức	**6,08**	0,79	0,79		2,34	1,12		0,52					1,00									0,09				0,16					0,01	0,05
b	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**			**13,06**	**1,56**	**0,61**	**0,95**	**1,03**	**4,75**		**5,10**					**0,27**	**0,30**								**0,00**									**0,02**	**0,03**

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Bãi đổ thải dự kiến phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	DRA	Xã Hoài Sơn	**4,16**	0,03		0,03	0,44	0,60		2,97					0,09	0,03								0,00										
		DRA	Xã Hoài Châu	**1,90**					1,58		0,14					0,18																				
		DRA	Phường Hoài Hảo	**5,50**	1,53	0,61	0,92	0,02	1,88		1,84						0,22																	0,01	0,01
		DRA	Phường Hoài Thanh Tây	**1,50**				0,58	0,69		0,15						0,05																	0,01	0,01
c	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**			**1,63**				**0,31**	**0,80**		**0,35**														**0,17**										
1	Khu cải táng mồ mả phục vụ công tác GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam (đoạn qua thị Xã Hoài Nhơn)	NTD	Xã Hoài Sơn	**0,18**				0,16																	0,02										
		NTD	Phường Hoài Thanh Tây	**0,50**							0,35														0,15										
		NTD	Phường Hoài Tân	**0,85**				0,15	0,70																										
		NTD	Phường Bồng Sơn	**0,10**					0,10																										
d	**Đất ở tại nông thôn**			**12,54**	**11,20**	**11,20**		**0,78**	**0,02**								**0,54**																			**0,01**

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Khu tái định cư phục vụ công tác GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam	ONT	Xã Hoài Sơn	**5,56**	5,54	5,54											0,01																			0,01
		ONT	Xã Hoài Châu	**1,08**	0,48	0,48		0,60									0,01																			
		ONT	Xã Hoài Phú	**5,90**	5,18	5,18		0,18	0,02								0,520																			
e	**Đất ở tại đô thị**			**10,94**	**6,30**	**6,30**		**2,65**	**0,62**							**0,10**	**0,09**								**0,01**				**1,14**					**0,01**	**0,02**
1	Khu tái định cư phục vụ công tác GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam	ODT	Phường Hoài Hảo	**3,61**	2,32	2,32		1,20																					0,09							
		ODT	Phường Hoài Tân	**4,04**	1,87	1,87		1,28	0,62							0,10									0,00				0,15					0,01	0,01
		ODT	Phường Hoài Đức	**0,89**	0,74	0,74		0,04									0,09								0,01										0,01
		ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**2,40**	1,37	1,37		0,13																					0,90						
f	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng**			**67,74**					**8,70**		**59,04**																									
		SKX	Xã Hoài Mỹ	**5,82**							5,82																									

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Mỏ đất, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	SKX	Phường Hoài Thanh Tây	**7,38**					1,10		6,28																									
		SKX	Phường Hoài Thanh	**2,80**					1,83		0,97																									
		SKX	Phường Hoài Tân	**25,00**					3,02		21,98																									
		SKX	Phường Hoài Đức	**11,54**					1,70		9,84																									
		SKX	Phường Hoài Xuân	**2,00**							2,00																									
1	Mỏ đất, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	SKX	Xã Hoài Sơn	**12,60**					0,45		12,15																									
		SKX	Phường Bồng Sơn	**0,60**					0,60																											
1.2.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**			**577,51**	**85,98**	**27,98**	**58,00**	**52,35**	**98,56**	**2,47**	**274,26**	**4,53**			**0,01**	**8,45**	**10,89**								**11,81**			**5,51**	**0,75**					**0,56**	**21,37**
1.2.1	**Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp**			**468,06**	**50,00**	**2,00**	**48,00**	**32,80**	**90,20**	**2,47**	**272,51**	**0,20**				**2,00**	**4,87**								**10,00**			**2,21**						**0,30**	**0,50**
1	Khu Liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ	SKC	Xã Hoài Mỹ	**468,06**	50,00	2,00	48,00	32,80	90,20	2,47	272,51	0,20				2,00	4,87								10,00			2,21						0,30	0,50

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp: Đất rừng phòng hộ	Đất lâm nghiệp: Đất rừng sản xuất	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã: Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1.2.2	**Đất giao thông**			**25,34**					**4,44**			**4,33**				**0,39**	**0,48**								**0,65**										**15,05**
1	Khu bến cảng Phù Mỹ (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ)	DGT	Xã Hoài Mỹ	**25,34**					4,44			4,33				0,39	0,48								0,65										**15,05**
1.2.3	**Đất ở đô thị**			**29,86**	**24,16**	**24,16**		**0,77**	**0,21**						**0,01**	**2,06**	**0,84**								**0,08**				**0,75**						**0,98**
1	Khu đô thị Bình Chương Nam, phường Hoài Đức	ODT	Phường Hoài Đức	**29,86**	24,16	24,16		0,77	0,21						0,01	2,06	0,84								0,08				0,75						0,98
1.2.4	**Đất ở tại nông thôn**			**54,24**	**11,82**	**1,82**	**10,00**	**18,78**	**3,71**		**1,75**					**4,00**	**4,70**								**1,08**			**3,30**						**0,26**	**4,84**
1	Khu tái định cư, phục vụ Dự án Khu Liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ và bến cảng chuyên dùng phục vụ Khu liên hợp	ONT	Xã Hoài Mỹ	**54,24**	11,82	1,82	10,00	18,78	3,71		1,75					4,00	4,70								1,08			3,30						0,26	4,84
2	**Công trình, dự án cấp huyện**			**995,74**	**211,51**	**204,62**	**6,89**	**179,69**	**185,42**	**5,05**	**221,42**	**40,79**	**0,23**	**0,82**	**1,73**	**20,97**	**4,36**	**0,04**	**1,02**	**1,39**	**1,07**	**0,01**	**0,04**	**0,02**	**26,82**	**1,00**	**0,55**	**4,11**	**19,73**	**3,45**	**0,11**	**0,23**	**42,65**	**2,36**	**19,15**
2.1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**			**956,37**	**211,51**	**204,62**	**6,89**	**175,70**	**153,04**	**2,05**	**221,42**	**40,79**	**0,23**	**0,82**	**1,73**	**20,97**	**4,36**	**0,04**	**1,02**	**1,39**	**1,07**	**0,01**	**0,04**	**0,02**	**26,82**	**1,00**	**0,55**	**4,11**	**19,73**	**3,45**	**0,11**	**0,23**	**42,65**	**2,36**	**19,15**
2.1.1	**ĐẤT NÔNG NGHIỆP**			**10,01**				**5,92**	**2,17**							**0,70**	**1,20**					**0,01**													**0,01**
2.2.1.1	**Đất nông nghiệp khác**			**10,01**				**5,92**	**2,17**							**0,70**	**1,20**					**0,01**													**0,01**

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Các điểm chăn nuôi tập trung	NKH	Xã Hoài Sơn	**10,01**				5,92	2,17							0,70	1,20					0,01														0,01
2.1.2	**ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**			**946,36**	**211,51**	**204,62**	**6,89**	**169,78**	**150,87**	**2,05**	**221,42**	**40,79**	**0,23**	**0,82**	**1,73**	**20,27**	**3,16**	**0,04**	**1,02**	**1,39**	**1,07**		**0,04**	**0,02**	**26,82**	**1,00**	**0,55**	**4,11**	**19,73**	**3,45**	**0,11**	**0,23**	**42,65**	**2,36**	**19,14**
2.1.2.1	**Đất khu Công nghiệp**																																			
2.1.2.2	**Đất Cụm Công nghiệp**			**70,94**	**1,10**	**1,10**		**17,02**	**45,05**							**0,11**									**4,41**				**0,55**						**2,70**
1	Cụm Công nghiệp Hoài Hương	SKN	Phường Hoài Hương	**12,50**				9,00	3,50																											
2	Cụm Công nghiệp Hoài Tân	SKN	Phường Hoài Tân	**15,00**				0,30	14,70																											
3	Cụm Công nghiệp Bồng Sơn - Giai đoạn 2 và hạ tầng kỹ thuật: + Cụm Công nghiệp Bồng Sơn - Giai đoạn 2; + Hạ tầng kỹ thuật (Cụm Công nghiệp Bồng Sơn).	SKN	Phường Bồng Sơn	**10,39**				2,05	3,72																4,12				0,50							
4	Cụm Công nghiệp Tường Sơn	SKN	Xã Hoài Sơn	**9,80**	1,10	1,10		1,20	4,80																											2,70
5	Cụm Công nghiệp Ngọc Sơn - Phường Hoài Thanh Tây	SKN	Phường Hoài Thanh Tây	**5,41**				3,47	1,49							0,11									0,29				0,05							
6	Cụm Công nghiệp Hoài Hảo	SKN	Phường Hoài Hảo	**2,50**				1	1,5																											
7	Cụm Công nghiệp Đệ Đức - Hoài Tân	SKN	Phường Hoài Tân	**15,34**					15,34																											
2.2.2.3	**Đất thương mại dịch vụ**			**10,95**	**2,81**	**2,81**		**0,09**	**1,00**			**5,37**				**0,90**	**0,13**			**0,13**									**0,50**					**0,02**	

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Showroom trưng bày, mua bán, bảo trì bảo dưỡng, cung cấp hồ sơ phụ tùng xe ô tô	TMD	Phường Bồng Sơn	**2,04**	2,00	2,00										0,01	0,03																			
2	Đất thương mại Dịch Vụ (Bến xe khách cũ của Bồng Sơn)	TMD	Phường Bồng Sơn	**0,50**												0,50																				
3	Đất thương mại dịch vụ (Cửa hàng xăng dầu Lan Anh)	TMD	Xã Hoài Châu Bắc	**1,11**	0,81	0,81		0,09								0,09	0,10																		0,02	
3	Đất thương mại dịch vụ phường Hoài Xuân (Khu thương mại, dịch vụ tại Khu phố Thuận Thượng 1 (điểm trường Mẫu Giáo và tiêu học Hoài Xuân); Khu tổ hợp thương mại, dịch vụ và thể thao, phường Hoài Xuân)	TMD	Phường Hoài Xuân	**1,50**								1,37								0,13																
4	Đất thương mại dịch vụ (Cồn Rớ)	TMD	Phường Tam Quan Bắc	**5,80**					1,00			4,00				0,30													0,50							
2.2.2.4	**Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp**			**14,87**	**3,36**	**3,36**		**4,11**	**1,61**	**0,20**	**3,54**				**0,24**	**0,31**	**0,09**													**0,06**					**1,36**
1	Mở rộng nhà máy sản xuất bánh tráng Dalop	SKC	Phường Hoài Xuân	**0,71**	0,22	0,22		0,46								0,02	0,02																			
2	Đất sản xuất kinh doanh (mở rộng nhà máy may Hoài Hương)	SKC	Phường Hoài Hương	**0,80**						0,20																										0,60
3	Khu sản xuất kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ (Mây, Tre, Lá)	SKC	Xã Hoài Mỹ	**1,48**	0,94	0,94		0,17	0,03						0,24		0,07																			0,03
4	Hợp tác xã nông nghiệp	SKC	Xã Hoài Châu Bắc	**0,06**																										0,06						
5	Đất sản xuất kinh doanh tại đình Đèo Bình Đê (bao gồm: Công trình lắp đặt trạm trộn bê tông thương phẩm)	SKC	Xã Hoài Châu Bắc	**1,00**							1,00																									
6	Đất sản xuất kinh doanh	SKC	Phường Hoài Xuân	**3,56**				1,46	1,58							0,29																				0,23
7	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và chế biến thực phẩm đông lạnh Hoài Nhơn (tại khu vực có tục danh Hố Lý - khu phố Đệ Đức 1, phường Hoài Tân)	SKC	Phường Hoài Tân	**5,50**	1,15	1,15		1,31			2,54																									0,50
8	Nhà máy chế biến tổ yến tinh và sản xuất nước yến chưng đường phèn	SKC	Xã Hoài Châu	**1,71**	1,00	1,00		0,71																												
9	Đất sản xuất kinh doanh thôn Hội An	SKC	Xã Hoài Châu	**0,05**	0,05	0,05																														
2.2.2.5	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**			**149,43**							**149,43**																									
1	Đất san lấp xã Hoài Mỹ	SKX	Xã Hoài Mỹ	**10,00**							10,00																									
2	Đất san lấp phường Hoài Thanh Tây (28D)	SKX	Phường Hoài Thanh Tây	**15,00**							15,00																									

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
3	Đất san lấp phường Hoài Thanh	SKX	Phường Hoài Thanh	**8,00**							8,00																									
4	Phường Hoài Đức (Mỏ đất + Sạt lở)	SKX	Phường Hoài Đức	**7,00**							7,00																									
		SKX	Xã Hoài Mỹ	**0,13**							0,13																									
5	Đất san lấp Phường Hoài Tân (Cụm Công nghiệp Giao Hội; Mỏ đất TDHN26; Mỏ đất TDHN27)	SKX	Phường Hoài Tân	**53,70**							53,70																									
6	Mỏ đất TDHN18	SKX	Phường Hoài Hảo	**11,00**							11,00																									
		SKX	Phường Hoài Thanh Tây	**15,00**							15,00																									
7	Mỏ đất TDHN19	SKX	Phường Hoài Hảo	**8,00**							8,00																									
		SKX	Phường Hoài Thanh Tây	**11,60**							11,60																									
8	Đất san lấp xã Hoài Sơn	SKX	Xã Hoài Sơn	**10,00**							10,00																									
2.1.2.6	**Đất phát triển hạ tầng**			**322,72**	**40,44**	**39,09**	**1,35**	**40,33**	**61,41**	**1,85**	**67,17**	**16,09**	**0,23**	**0,82**	**0,45**	**13,79**	**1,40**	**0,04**	**1,00**	**0,38**	**0,73**				**10,64**	**0,85**	**0,31**	**3,56**	**10,62**	**0,76**	**0,07**	**0,05**	**41,77**	**0,47**	**7,50**
a	**Đất cơ sở văn hóa**			**2,57**					**0,09**																**1,62**				**0,44**						**0,42**
1	Quảng trường Biển tại phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn	DVH	Phường Tam Quan Bắc	**2,57**					0,09																1,62				0,44						0,42
b	**Đất cơ sở y tế**			**13,46**				**0,05**	**10,60**					**0,82**					**1,00**											**0,64**					**0,35**
1	Mở rộng trung tâm y tế thị xã Hoài Nhơn (giai đoạn 2)	DYT	Phường Tam Quan	**1,00**															1,00																

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
2	Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn - Cơ sở 2	DYT	Phường Hoài Thanh Tây	**11,00**				0,05	10,60																											0,35
3	Nhà làm việc Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn	DYT	Phường Bồng Sơn	**0,04**																										0,04						
4	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng); hạng mục: Khu điều trị hệ Ngoại, Sản, Phẫu thuật gây mê hồi sức và các hạng mục phụ trợ	DYT	Phường Bồng Sơn	**1,42**										0,82																0,60						
c	**Đất cơ sở giáo dục - đào tạo**			**2,81**	**0,59**	**0,53**	**0,06**	**1,34**	**0,29**						**0,30**	**0,03**	**0,01**								**0,04**				**0,14**		**0,07**				
1	Mở rộng trường trung học cơ sở Tam Quan Nam	DGD	Phường Tam Quan Nam	**0,12**					0,10																				0,02						
2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Bồng Sơn (Mở rộng trường mầm non Họa Mi; Mở rộng Trường tiểu học Bồng Sơn (điểm Tin Lành); Mở rộng Trường trung học cơ sở Bồng Sơn)	DGD	Phường Bồng Sơn	**0,52**	0,06	0,06		0,10	0,19							0,03	0,01								0,01				0,12						
3	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Hoài Hảo (Mở rộng trường tiểu học số 1 Hoài Hảo; Mở rộng truờng mầm non Hoài Hảo)	DGD	Phường Hoài Hảo	**0,62**				0,59																	0,03										
4	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo xã Hoài Sơn (Mở rộng trường mầm non Hoài Sơn; Mở rộng trường Tiểu học Hoài Sơn)	DGD	Xã Hoài Sơn	**0,47**	0,47	0,47																													
5	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Hoài Đức (trường mần non Hoài Đức (điểm trường Định Bình, Diễn Khánh))	DGD	Phường Hoài Đức	**0,30**											0,30																				
6	Mở rộng trường Mẫu giáo thôn Gia An	DGD	Xã Hoài Châu Bắc	**0,72**				0,65																							0,07				
7	Trường mẫu giáo thôn Chương Hòa	DGD	Xã Hoài Châu Bắc	**0,06**	0,06		0,06																												

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
d	**Đất cơ sở thể dục - thể thao**			**4,51**	**1,50**	**1,50**		**0,56**	**0,57**							**0,13**	**0,02**				**0,70**				**0,86**		**0,14**		**0,01**					**0,02**	
1	Chỉnh trang khu dân cư và Mở rộng Sân vận động Bồng Sơn (cũ)	DTT	Phường Bồng Sơn	**1,03**				0,50	0,50							0,02													0,01						
2	Khu thể thao xã Hoài Phú	DTT	Xã Hoài Phú	**0,70**																	0,70														
3	Trung tâm văn hóa thể thao phường Hoài Hảo	DTT	Phường Hoài Hảo	**1,06**				0,06																	0,86		0,14								
4	Sân vận động xã Hoài Sơn	DTT	Xã Hoài Sơn	**1,72**	1,50	1,50			0,07							0,11	0,02																	0,02	
e	**Đất giao thông**			**194,10**	**18,50**	**17,30**	**1,20**	**24,40**	**32,93**		**25,76**	**13,83**			**0,15**	**13,00**	**1,08**	**0,04**		**0,31**	**0,03**				**4,81**	**0,05**	**0,17**	**3,32**	**9,41**	**0,12**			**40,55**	**0,45**	**5,21**
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ quốc lộ 1 (Năm tấn) đến ĐT639; Tuyến đường từ Quốc lộ 1 (chợ Bộng) đến ĐT 638; Tuyến đường từ cầu chui quốc lộ 1 cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc)	DGT	Phường Hoài Thanh Tây	**0,30**					0,30																										
		DGT	Phường Hoài Thanh	**3,50**	0,50	0,50		1,00	2,00																										
		DGT	Phường Hoài Tân	**5,00**	3,00	3,00		1,50	0,50																										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
		DGT	Phường Tam Quan Bắc	**7,55**	0,45	0,45		4,97	0,99			0,83																	0,30						0,01
		DGT	Xã Hoài Châu Bắc	**1,05**	0,85	0,85		0,20																											
2	Tuyến đường ven biển (ĐT 639) đoạn từ Mỹ Thành đến Cầu Lại Giang	DGT	Xã Hoài Mỹ	**24,20**	3,82	3,24	0,58	0,50	1,28		12,68	0,51													1,99			1,43						0,22	1,76
		DGT	Xã Hoài Hải	**7,04**				0,32	0,25		5,03	0,51													0,18			0,34							0,42
3	Nâng cấp, mở rộng đường Thái Lợi	DGT	Phường Tam Quan	**2,87**	1,50	1,50		0,35	0,10											0,18					0,02				0,61	0,03				0,05	0,03
		DGT	Phường Tam Quan Nam	**4,13**					2,20			0,84				0,49									0,05				0,15				0,33	0,06	0,01

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Xây dựng tuyến đường thay thế tuyến đường Trần Phú thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn (nay là phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn), (bao gồm diện tích của đoạn chỉnh tuyến trên địa bàn phường Hoài Hảo)	DGT	Phường Hoài Hảo	**1,45**	0,10	0,10		0,30	0,40															0,30		0,15		0,20							
5	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) qua địa bàn thị xã Hoài Nhơn	DGT	Phường Hoài Thanh Tây	**0,35**					0,25																			0,10							
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến Tài Lương - Ca Công và tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ), thị xã Hoài Nhơn, hạng mục tuyến Bình Chương - Hoài Mỹ	DGT	Phường Hoài Đức	**0,37**				0,15	0,17							0,01	0,01							0,01				0,01							0,01
		DGT	Xã Hoài Mỹ	**0,37**					0,20																		0,17								
7	Cầu qua sông Lại Giang (Hoài Xuân - Hoài Mỹ)	DGT	Xã Hoài Mỹ	**0,33**				0,1418	0,0073							0,0703				0,0035								0,092							0,02
		DGT	Phường Hoài Xuân	**0,73**	0,25	0,25		0,0635	0,0126							0,099				0,0035									0,29						0,01

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
8	Mở rộng Nút giao thông đường Nguyễn Trân - Hai Bà Trưng; Nút giao thông Đường giữa kho bạc - Thị uỷ và đường Nguyễn Trân; nút giao thông Hai Bà Trưng - Quang Trung; Nút giao thông Trần Hưng Đạo - Trần Phú; Nút giao thông Trần Hưng Đạo - Tăng Bạt Hổ; Nút giao thông Quốc lộ 1A mới - Trần Hưng Đạo; Nút giao thông Hai Bà Trưng - Trần Hưng Đạo	DGT	Phường Bồng Sơn	**0,70**					0,60																			0,10							
9	Tuyến đường liên phường Hoài Tân từ QL1 đến phường Hoài Xuân	DGT	Phường Hoài Thanh	**0,20**					0,20																											
		DGT	Phường Hoài Tân	**0,01**																								0,01							
10	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông phường Hoài Thanh: - Nâng cấp mở rộng đường Tài Lương - Ca Công; - Mở rộng tuyến đường Đống Đa rộng	DGT	Phường Hoài Thanh	**2,06**	0,08	0,08		0,40	1,36																			0,22							
		DGT	Phường Hoài Thanh	**0,12**				0,05	0,05																0,02										
11	Mở rộng đường Nguyễn Du (Từ Tỉnh lộ ĐT-630 đến Nhà văn hóa khu phố Lại Khánh Nam)	DGT	Phường Hoài Đức	**1,96**	0,19	0,19		0,80	0,97																											
12	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông phường Hoài Đức: - Mở rộng đường Võ Liệu; - Xây dựng công trình: Đường nội đồng khu phố Lại Khánh Nam, phường Hoài Đức.	DGT	Phường Hoài Đức	**3,13**	0,17	0,17		1,40	1,56																											
		DGT	Phường Hoài Đức	**0,31**	0,31	0,31																														

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
13	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông xã Hoài Sơn: - Tuyến đường nội đồng thôn Tường Sơn; - Tuyến mở rộng từ Cầu ông Ân đến Hồ An Đô.	DGT	Xã Hoài Sơn	**0,04**	0,04	0,04																														
		DGT	Xã Hoài Sơn	**0,02**	0,02	0,02																														
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	DGT	Xã Hoài Sơn	**13,67**	0,01	0,01	0,00	0,08	0,05		7,87					5,52				0,00					0,01			0,09		0,00			0,04		0,00
15	Đường kết nối đường 26/3 đến cụm Công nghiệp Hoài Châu	DGT	Xã Hoài Châu	**0,50**	0,50	0,50																														
		DGT	Phường Tam Quan	**0,30**				0,05	0,15																				0,10						
16	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã Hoài Châu: - Đội Thuế - Ngõ Hồng; Ngõ Mươi đến Ngõ A; Ngõ Xuân đến Ngõ Hượng; Mở rộng tuyến đường từ giáp đường Mỹ Bình - Thiện Chánh đến Gia An, xã Hoài Châu Bắc;	DGT	Xã Hoài Châu	**2,56**	0,30	0,30		0,70	1,56																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
17	Mở rộng tuyến đường từ đường ĐT 638 (Ngõ Tứ) đến giáp xã Hoài Châu	DGT	Xã Hoài Châu Bắc	**1,72**				0,23	0,60																0,80											0,09
18	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường phường Tam Quan Nam: Đường từ Cầu Soi đến cầu Thiên Phước; Mở rộng tuyến đường Mai Xuân Thưởng (từ nhà ông Công đến nhà bà Ha)	DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,73**	0,50	0,50		0,01	0,22																											
19	Mở rộng giao thông đô thị và đường nội đồng	DGT	Phường Hoài Thanh Tây	**1,50**	0,50	0,50		1,00																												
20	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông phường Tam Quan: Đường Lê Đức Thọ; Đường Triệu Việt Vương; Đường Âu Lạc; tuyến đường phía Tây sân vận động kết nối với các tuyến giao thông; Đường Lý Tự Trọng;	DGT	Phường Tam Quan	**1,80**	0,34	0,34		0,20	0,50							0,10									0,20				0,20	0,02			0,10	0,04	0,10
21	Mở rộng tuyến đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	Phường Tam Quan	**0,60**					0,60																											
22	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông Phường Tam Quan Nam: - Mở rộng tuyến đường từ cầu Cộng Hòa đến đường ĐT 639; - Tuyến đường từ cầu bà Xạ đến nhà bà Hoãn; - Làm mới tuyến đường Huỳnh Triếp đến tuyến đường Võ Văn Kiệt, L = 250m; - Mở rộng tuyến đường Thái Lợi	DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,26**					0,22			0,03																								0,01
		DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,01**				0,01																												
		DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,25**	0,22	0,22		0,03																												

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
	đến cầu Cộng Hòa (L =120m); - Mở rộng tuyến đường từ ngã ba bà Xễ đến cầu Chợ Cầu (L =850m).	DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,05**					0,04			0,01																							
		DGT	Phường Tam Quan Nam	**0,17**					0,15			0,02																							
23	Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cho tàu cá, dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quan	DGT	Phường Tam Quan Bắc	**51,38**				0,02				7,00																3,00				40,00		1,36
24	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông Phường Tam Quan Bắc: - Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường phường Tam Quan Bắc: Nâng cấp mở rộng đường từ ngã 4 Bưu điện Văn hóa phường đến đồn biên phòng (đường Võ Nguyên Giáp); Tuyến đường Chế Lan Viên đoạn từ giáp đường Trần Quang Khải đến giáp đường Hàm Tử; - Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường phường Tam Quan Bắc: Tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Hải đến Cầu Xuân Thành (đường Trần Quốc Toản); đoạn từ giáp đường Thống Nhất đến cầu Xuân Thành rộng 18m, đoạn từ cầu Xuân Thành đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai rộng 10m. - Nâng cấp mở rộng đường Trần Văn Trà; Nâng cấp mở rộng tuyến đường Trương Định (giai đoạn 1); Nâng cấp mở rộng đường Lê Phi Hùng (giai đoạn 1) đoạn tiếp giáp Nguyễn Chí Thanh đến trụ sở khu phố Thiện Chánh 1	DGT	Phường Tam Quan Bắc	**3,70**				1,10	1,35			0,10			0,15											0,05			0,80				0,08		0,07
		DGT	Phường Tam Quan Bắc	**2,50**					1,50			1,00																							
25	Tuyến đường từ Công Thạnh đi Trường Xuân, phường Tam Quan Bắc	DGT	Phường Tam Quan Bắc	**3,94**	0,77	0,36	0,4164	0,1354	0,0604			1,38				0,7526		0,0375		0,0055								0,653	0,071				0,0231	0,05

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
26	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông Phường Hoài Hương: - Đường Hoàng Hoa Thám; - Mở rộng, BTXM tuyến ngã ba bia anh hùng đến nhà Tiên; - Mở rộng, BTXM tuyến ngã 3 nhà ông Đặng Ni đến nhà ông Ghi.	DGT	Phường Hoài Hương	**0,36**				0,06	0,30																										
		DGT	Phường Hoài Hương	**0,30**				0,10	0,20																										
		DGT	Phường Hoài Hương	**0,82**				0,32	0,50																										
27	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông xã Hoài Phú: - Mở rộng đường ngõ Dị đến ngõ Vinh giáp đường bắc đập Gấm; - Mở rộng đường từ ngõ Mến đi ngõ Thuộc cầu Xéo; - Đường ngõ thuộc đến cầu Xéo; - Mở rộng đường từ ngã 4 xóm 16 đến nhà ông Tế xóm 16; - Đường từ cầu Chiến Kiếm đến tuyến đường số 2.	DGT	Xã Hoài Phú	**0,49**	0,07	0,07		0,03								0,29										0,01	0,09								
		DGT	Xã Hoài Phú	**0,36**	0,04	0,04		0,09								0,16											0,07								
		DGT	Xã Hoài Phú	**0,31**				0,13	0,01							0,14				0,01					0,01			0,01							
		DGT	Xã Hoài Phú	**1,23**	0,19	0,19		0,17								0,69	0,01								0,02			0,14						0,01	
		DGT	Xã Hoài Phú	**1,12**	0,34	0,34		0,04								0,57	0,03								0,02			0,11							**0,01**
28	Tuyến đường dọc biển từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Thiện	DGT	Xã Hoài Hải	**0,41**					0,12																0,01			0,04							0,24

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
29	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường phường Hoài Tân: ngõ Hà tổ 9 GH2 đến ngã 3 cầu Xã Bồng tổ 6, KP Đệ Đức 1; ngã 3 nhà Mạnh đến nhà Kha, khu phố Giao Hội 2; đường Tôn Thất Thuyết từ nhà Thuận đến cầu thầy Đen; đường Hải Thượng Lãn Ông từ cầu vượt đến Đình Trung khu phố An Dưỡng 1;	DGT	Phường Hoài Tân	**1,16**	0,36	0,16	0,20		0,72																			0,08						
30	Mở mới tuyến đường Mỹ An 2 (từ nhà Thuận đến đất Hơn)	DGT	Phường Hoài Thanh	**0,54**				0,08	0,11															0,32				0,02						0,01
31	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây Gò Dài, Tam Quan Bắc	DGT	Phường Tam Quan Bắc	**1,20**					0,60			0,60																								
32	Đường kết nối cầu Phú Văn với đường Nguyễn Tất Thành, phường Bồng Sơn	DGT	Phường Bồng Sơn	**5,94**				3,50	1,20																			0,922						0,32
33	Đường kết nối Cầu phú Văn với đường Biên Cương	DGT	Phường Bồng Sơn	**1,00**					0,70																			0,30						
34	Mở rộng đường Biên Cương(đoạn từ ngã tư đường Lê Lợi đến giáp quốc lộ 1A mới)	DGT	Phường Bồng Sơn	**0,85**												0,85																				
35	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông phường Hoài Xuân: - Nâng cấp mở rộng tuyến đường Phụng Sơn, phường Hoài Xuân;	DGT	Phường Hoài Xuân	**1,19**	0,44	0,44		0,08	0,48			0,08																0,02					0,05	0,05

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
	- Nâng cấp mở rộng tuyến đường Trần Tôn Thất, phường Hoài Xuân.	DGT	Phường Hoài Xuân	**0,95**	0,39	0,39		0,28	0,21																0,03				0,04							
36	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông phường Hoài Tân: - Tuyến đường đi từ tổ 2 đến tổ 3 (đường dọc Bàu Sấu) khu phố Giao Hội 1; - Đường số 2 và đường số 5 Cụm Công nghiệp Hoài Tân; - Đường đi Quốc lộ 1A (chợ Đỗ) đến giáp đường ĐT 638; Mở rộng bê tông tuyến từ cầu lúa đến đông Năng Thượng, khu phố Đệ Đức 3; Mở rộng bê tông tuyến từ đường Tây Tinh đến Ngõ Hương.	DGT	Phường Hoài Tân	**1,56**				0,73	0,73																										0,10
		DGT	Phường Hoài Tân	**0,80**					0,80																											
		DGT	Phường Hoài Tân	**1,07**	0,22	0,22		0,20	0,65																											
37	Mở rộng tuyến đường Hoàng Quốc Việt từ nhà văn hoá khu phố Đệ Đức 1 đến ngõ Đặng Văn Thức	DGT	Phường Hoài Tân	**0,34**	0,02	0,02			0,32																											
38	Tuyến đường phía Bắc Khu di tích lịch sử Cây số 7 Tài Lương (thuộc dự án Di tích lịch sử cây số 7 Tài Lương)	DGT	Phường Hoài Thanh Tây	**0,13**					0,05																0,04				0,03							
39	Mở rộng tuyến đường từ cống đề đến giáp cầu Mương Cát -Mỹ An 2	DGT	Phường Hoài Thanh	**3,90**	0,70	0,70		0,50	0,50							2,10									0,10											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
40	Mở rộng đường ngõ Điền đến trường xóm 12 đến ngõ Khâu	DGT	Xã Hoài Phú	**0,45**												0,25	0,02											0,18							
41	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông xã Hoài Mỹ: - Nâng cấp mở rộng tuyến đường Hóc Tranh Định Công đi Hà Xuyên Công Lương; - Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cổng làng văn hoá thôn Xuân Vinh đi giáp đường ĐT 639 thôn Phú Xuân.	DGT	Xã Hoài Mỹ	**3,30**				0,70	2,30																			0,30							
		DGT	Xã Hoài Mỹ	**0,39**	0,09	0,09		0,20	0,10																										
42	Nâng cấp, mở rộng và xây mới các tuyến giao thông xã Hoài Hải: - Mở rộng, nâng cấp tuyến đường dọc biển từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc (giai đoạn 2); - Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ nghĩa trang nhân Hoài Hải đến giáp nghĩa địa Hà Xuyên (Hoài Mỹ); - Mở rộng, nâng cấp tuyến đường dọc biển từ sân vận động xã đến giáp mũi Gành thôn Diêu Quang; - Mở rộng, nâng cấp tuyến đường bến Sướng đến giáp tuyến đường bưu điện rừng dương; - Vỉa hè, hệ thống thoát nước tuyến đường trục chính xã Hoài Hải (từ trạm y tế đến quán HP); - Tuyến đường kết nối Hoài Mỹ, Hoài Hải; - Đường giao thông nội bộ trong khu du lịch Bãi Con;	DGT	Xã Hoài Hải	**0,26**					0,06																											0,20
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,90**				0,55			0,18														0,17										
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,39**								0,05													0,29										0,05
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,08**					0,02																0,02										0,04
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,30**					0,20																0,10										
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,08**					0,03																			0,05							

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,76**								0,70																								0,06
		DGT	Xã Hoài Hải	**0,21**				0,18																												0,03
43	Mở rộng Đường Lam Sơn (từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến cầu Lỗ Bung)	DGT	Phường Hoài Đức	**3,49**	0,25	0,25		0,44	0,40		0,01						1,01				0,03				0,04		0,01		1,25							0,05
44	Nâng cấp mở rộng đường số 2 (đoạn kết nối đường ĐT638 với đường ĐT639).	DGT	Xã Hoài Châu	**0,90**	0,32	0,32			0,58																											
45	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường từ Bưu điện đến giáp ngã ba rừng dương	DGT	Xã Hoài Hải	**1,98**					0,44			0,18				0,91				0,10					0,05			0,20								**0,10**
46	Đất giao thông Hoài Sơn: - Đường từ trường mầm non xã Hoài Sơn đến kênh chính thôn Tường Sơn - Đường nội đồng trước ngõ Bình thôn Tường Sơn - Mở rộng hai bên bờ suối thôn Hy Văn đoạn từ ngõ mão đến đồng cải tạo - Mở rộng tuyến đường trục xã đoạn từ sân vận động đến hồ An Đổ - Giao thông nông thôn và giao thông nội đồng xã Hoài Sơn năm 2021)	DGT	Xã Hoài Sơn	**1,15**	0,65	0,65		0,30	0,20																											
f	**Đất thủy lợi**			**34,33**	**9,84**	**9,75**	**0,09**	**9,87**	**4,25**		**7,09**					**0,38**	**0,17**			**0,07**					**0,39**			**0,24**	**0,19**				**0,95**		**0,90**
		DTL	Phường Hoài Đức	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Tam Quan Nam	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Bồng Sơn	**2,50**	0,70	0,70		1,30	0,30																0,20											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (Hợp đồng BOO)	DTL	Xã Hoài Châu Bắc	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Xã Hoài Sơn	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Tam Quan	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Hoài Xuân	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Hoài Tân	**0,40**				0,20	0,20																											
1	Cấp nước sạch trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (Hợp đồng BOO)	DTL	Phường Hoài Thanh	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Hoài Thanh Tây	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Phường Hoài Hảo	**0,40**				0,20	0,20																											
		DTL	Xã Hoài Châu	**0,40**				0,20	0,20																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
		DTL	Xã Hoài Phú	**0,40**				0,20	0,20																												
2	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc	DTL	Xã Hoài Hải	**1,10**																								0,10					0,60		0,40
3	Kè chống sạt lở hai bên khu dân cư thôn Hy Văn và thôn Tường Sơn; Kè sạt lở suối Quán Dưa	DTL	Xã Hoài Sơn	**1,00**	0,02	0,02		0,03	0,95																												
4	Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam huyện Hoài Nhơn: Hành lang bảo vệ trạm bơm nước thô (trong đó, đã bao gồm 48 m2 xây dựng trạm bơm tăng áp)	DTL	Phường Hoài Xuân	**0,07**				0,07																													
5	Chỉnh trị dòng chảy suối Găng	DTL	Xã Hoài Châu	**0,60**	0,35	0,35		0,25																													
6	Hồ chứa nước Hóc Cau	DTL	Phường Hoài Đức	**4,12**				0,06			4,00																		0,05							0,00
7	Hồ chứa nước Hóc Dài	DTL	Phường Hoài Đức	**2,59**	0,09		0,09	2,13																													0,37

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
8	Trạm bơm giếng và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước tại phường Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn	DTL	Phường Bồng Sơn	**0,43**				0,23	0,20																											
9	Công trình: -Đắp đất bờ suối thôn Tường Sơn Nam (đoạn từ cầu Trưng đến đất Giang) - Đắp đất hai bên bờ suối thôn Tường Sơn Nam (đoạn từ cầu Trưng đến vườn Nhung) - Đắp đất hai bên bờ suối thôn Hy Văn (đoạn ruộng Thảo đến ruộng Bích) - Đắp đất bờ suối thôn Phú Nông (đoạn từ cầu Thanh Niên đến cầu đập Ôi) -Kè chống sạt lở hai bên khu dân cư thôn Hy Văn và Tường Sơn -Đắp đất bờ suối thôn Phú Nông (đoạn từ cầu Thanh Niên đến cầu đập Ôi)	DTL	Xã Hoài Sơn	**1,83**	0,68	0,68		0,18	0,12							0,30	0,17											0,07					0,30		0,01
10	Kè cấp bách sạt lở, bảo vệ khu dân cư trên sông Lại Giang, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	DTL	Phường Bồng Sơn	**0,55**				0,12	0,22		0,13																		0,08							
11	Trạm bơm và tuyến đường ống dẫn nước từ sông Lại Giang về Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ)	DTL	Xã Hoài Mỹ	**14,19**	8,00	8,00		2,98	0,06		2,76					0,08				0,07					0,19			0,07								
		DTL	Phường Hoài Đức	**0,55**				0,12			0,20																		0,06				0,05		**0,11**

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
g	**Đất công trình năng lượng.**			**5,10**	**0,60**	**0,60**		**0,78**	**0,74**	**0,35**	**2,19**		**0,23**			**0,00**												**0,01**	**0,01**						**0,19**
1	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện JICA	DNL	Phường Hoài Tân	**0,03**				0,01	0,02																												
		DNL	Phường Bồng Sơn	**0,04**				0,02	0,02																												
		DNL	Xã Hoài Mỹ	**0,28**				0,04			0,24																										
		DNL	Phường Hoài Thanh Tây	**0,14**				0,08			0,06																										
		DNL	Phường Hoài Hương	**0,13**					0,07		0,06																										
2	Đường dây 110KV TBA 220KV Quãng Ngãi - Đức Phổ - Tam Quan	DNL	Xã Hoài Sơn	**0,25**	0,04	0,04		0,05			0,05		0,11																								
		DNL	Xã Hoài Châu Bắc	**0,13**	0,04	0,04		0,06	0,03																												
		DNL	Xã Hoài Châu	**0,11**				0,05					0,06																								
		DNL	Xã Hoài Phú	**0,15**	0,07	0,07		0,02					0,06																								
		DNL	Phường Hoài Hảo	**0,01**	0,01	0,01																															
		DNL	Phường Tam Quan	**0,01**	0,01	0,01																															
3	Nâng cao khả năng vận hành an toàn lưới điện 110kV khu vực Bình Định năm 2022	DNL	Phường Hoài Tân	**0,02**				0,02																													
		DNL	Xã Hoài Sơn	**0,44**				0,03	0,01		0,39																										
		DNL	Xã Hoài Châu	**0,23**							0,23																										
		DNL	Xã Hoài Phú	**0,18**	0,04	0,04		0,01			0,13					0,00																					

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
4	Đường dây 220kV Quảng Ngãi – Quy Nhơn (Phước An)	DNL	Phường Hoài Hảo	**0,16**	0,03	0,03		0,04	0,01		0,08																									
		DNL	Phường Hoài Tân	**0,27**	0,02	0,02		0,00	0,07		0,17																									
		DNL	Phường Bồng Sơn	**0,13**	0,09	0,09			0,02		0,02																									
		DNL	Phường Hoài Đức	**0,14**							0,14																									
5	Xây dựng và cải tạo, nâng công suất truyền tải của các tuyến đường dây trung áp	DNL	Phường Bồng Sơn	**0,11**				0,01	0,01		0,08																	0,01							
		DNL	Xã Hoài Mỹ	**0,15**				0,04	0,02		0,08																0,01								
6	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện TBA 110Kv Hoài Nhơn năm 2023	DNL	Phường Bồng Sơn	**0,19**																																0,19
7	Đường dây 220kV đấu nối từ Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ - Gang thép Long Sơn và Trạm biến áp 220kV Gang thép Long Sơn tại thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ	DNL	Xã Hoài Mỹ	**1,80**	0,25	0,25		0,30	0,45	0,35	0,45																									
h	**Đất có di tích, lịch sử - văn hóa**			**1,50**	**0,05**	**0,05**			**0,37**			**0,32**				**0,00**												**0,18**				**0,28**		**0,30**
1	Di tích lịch sử điểm lưu niệm cuộc biểu tình năm 1931 tại cây số 7 Tài Lương	DDT	Phường Hoài Thanh Tây	**0,10**					0,05																			0,05							
2	Công trình: Mở rộng khu di tích mộ quận công Trần Đức Hòa	DDT	Xã Hoài Sơn	**0,30**																																0,30
3	Di tích lịch sử chiến thắng đồi Thường	DDT	Phường Hoài Hương	**0,21**					0,18																			0,03							

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
3	Di tích trận tập kích trụ sở nguy quyền xã Hoài Sơn năm 1961	DDT	Xã Hoài Sơn	**0,05**	0,05	0,05																															
4	Nâng cấp, mở rộng nhà lưu niệm chi bộ Cửu Lợi	DDT	Phường Tam Quan Nam	**0,84**					0,14			0,32				0,00													0,10				0,28			
i	**Đất bãi thải, xử lý chất thải**			**5,00**							**5,00**																										
1	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Hoài Nhơn	DRA	Phường Bồng Sơn	**5,00**							5,00																										
j	**Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**			**43,11**	**1,90**	**1,90**		**0,95**	**11,34**	**1,50**	**27,13**													**0,29**												
1	Nghĩa trang nhân dân khu vực Đồi Pháo	NTD	Phường Hoài Hảo	**15,00**					1,00		14,00																										
2	Xây dựng Nghĩa trang nhân dân	NTD	Xã Hoài Hải	**1,10**							1,10																										
3	Mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Ngọn (khu phố Giao Hội 1)	NTD	Phường Hoài Tân	**3,00**				0,50	2,50																												
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Hà Xuyên- Công Lương	NTD	Xã Hoài Mỹ	**2,80**					2,50		0,30																										
5	Nghĩa trang nhân dân Lương Thọ 3	NTD	Xã Hoài Phú	**1,66**					1,44															0,22												
6	Nghĩa trang nhân dân phường Bồng Sơn (Gò Bà Nông)	NTD	Phường Bồng Sơn	**9,13**	1,90	1,90					7,23																										
7	Mở rộng nghĩa trang nhân dân phường Tam Quan Bắc	NTD	Phường Tam Quan Bắc	**4,00**					2,50	1,50																											
8	Khu cải táng, phục vụ Dự án Khu Liên hợp gang thép Long Sơn Phủ Mỹ và bến cảng chuyên dùng phục vụ Khu liên hợp	NTD	Xã Hoài Mỹ	**4,20**					1,20		3,00																										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
9	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Bắc đập ông Gầm	NTD	Xã Hoài Phú	**0,82**				0,12	0,20		0,50																									
10	Khu cải táng	NTD	Phường Bồng Sơn	**1,00**							1,00																									
11	Khu cải táng GPMB cụm Công nghiệp Tường Sơn	NTD	Xã Hoài Sơn	**0,40**				0,33																	0,07											
k	**Đất chợ**			**16,23**	**7,46**	**7,46**		**2,38**	**0,23**			**1,94**				**0,25**	**0,12**								**2,63**	**0,80**			**0,24**			**0,05**			**0,13**
1	Trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống Bồng Sơn	DCH	Phường Bồng Sơn	**1,03**				0,02	0,06																	0,80			0,02							0,13
2	Xây dựng mới chợ Tam Quan và nhà ở thương mại	DCH	Phường Tam Quan	**9,75**	6,00	6,00		2,00																	1,75											
3	Mở rộng chợ Ân	DCH	Phường Tam Quan Nam	**0,04**					0,02																				0,02							
4	Chợ Tam Quan Bắc kết hợp với khu dân cư mới	DCH	Phường Tam Quan Bắc	**5,41**	1,46	1,46		0,36	0,15			1,94				0,25	0,12								0,88				0,20			0,05				
2.1.2.7	**Đất sinh hoạt cộng đồng**			**1,52**	**0,57**	**0,57**		**0,43**				**0,09**								**0,05**					**0,01**					**0,13**						**0,24**
1	Nhà văn hóa – Khu thể thao khu phố Thiện Chánh 1	DSH	Phường Tam Quan Bắc	**0,29**								0,09																								0,20
2	Nhà văn hóa Lâm Trúc 1, An Dinh 2, An Dinh 1	DSH	Phường Hoài Thanh	**0,58**	0,08	0,08		0,28												0,05										0,13						0,04
3	Mở rộng nhà văn hóa khu phố Văn Cang	DSH	Phường Hoài Đức	**0,06**				0,05																	0,01											
4	Nhà văn hóa khu phố Bình Chương Nam	DSH	Phường Hoài Đức	**0,09**	0,09	0,09																														
5	Nhà văn hóa và Sân thể thao Ngọc An Đông	DSH	Phường Hoài Thanh Tây	**0,30**	0,20	0,20		0,10																												
4	Nhà văn hoá thôn An Hội, Tường Sơn Nam	DSH	Xã Hoài Sơn	**0,20**	0,20	0,20																														
2.1.2.8	**Đất khu vui chơi, giải trí công cộng**			**0,52**	**0,06**	**0,06**			**0,07**											**0,05**					**0,04**	**0,15**			**0,03**	**0,10**			**0,02**		

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
1	Đất công cộng (cây xanh) phía Đông đồng Đất Chai	DKV	Phường Hoài Tân	**0,06**	0,06	0,06																														
2	Hoa viên Chợ Quán	DKV	Phường Hoài Thanh	**0,15**																						0,15										
3	Hoa viên khu phố 7	DKV	Phường Tam Quan	**0,06**					0,03																				0,03							
4	Hoa viên khu phố Thiết Đính Nam, Thiết Đính Bắc, Liêm Bình; Trung Lương	DKV	Phường Bồng Sơn	**0,23**					0,04											0,05					0,04					0,10						
5	Hoa viên Kim Giao Bắc	DKV	Xã Hoài Hải	**0,02**																														0,02		
2.1.2.9	**Đất ở tại nông thôn**			**68,07**	**31,15**	**30,50**	**0,65**	**11,42**	**5,71**		**1,28**	**12,16**				**0,46**	**0,37**			**0,07**					**3,14**		**0,04**	**0,55**		**0,04**				**0,33**	**1,35**
1	Khu dân cư xã Hoài Hải (năm 2022 chuyển tiếp)	ONT	Xã Hoài Hải	**4,32**				1,40	0,08			2,38								0,01														0,04	0,41
2	Khu tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	ONT	Xã Hoài Hải	**9,37**				2,10	4,29			2,68																0,30								
3	Khu dân cư xã Hoài Hải	ONT	Xã Hoài Hải	**7,38**								6,90													0,29											0,19

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
4	Khu dân cư xã Hoài Mỹ (Khu dân cư xã Hoài Mỹ năm 2021(KH2020 chuyển tiếp); Khu dân cư xã Hoài Mỹ năm 2021; Khu dân cư đăng ký năm 2022)	ONT	Xã Hoài Mỹ	**7,99**	2,61	1,96	0,65	1,87	0,28		1,28													1,80										0,06	0,09
5	Khu dân cư xã Hoài Sơn: - Khu dân cư xã Hoài Sơn (thôn Hy Văn; Thôn An Hội Bắc và Hy Văn; thôn An Hội và Phú Nông); - Khu dân cư xã Hoài Sơn (KH2022 chuyển sang, đăng ký mới năm 2023).	ONT	Xã Hoài Sơn	**7,70**	7,56	7,56		0,03									0,01			0,06															0,04
		ONT	Xã Hoài Sơn	**0,17**	0,17	0,17																														
6	Khu dân cư xã Hoài Sơn năm 2023	ONT	Xã Hoài Sơn	**3,34**	2,65	2,65		0,59																												0,10
7	Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc: - Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (Khu dân cư phía Đông điểm TĐC số 1 thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc; Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Chương Hoà); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An, phía Nam KDC thị xã đầu tư)); - Khu dân cư thôn Gia An Nam.	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	**4,40**	2,48	2,48		1,50																				0,07						0,13	0,22
		ONT	Xã Hoài Châu Bắc	**0,67**	0,67	0,67																														
8	Khu dân cư thôn Quy Thuận	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	**1,50**	1,50	1,50																														
9	Khu dân cư xã Hoài Phú (thôn Cự Tài 1 và Lương Thọ 3); Khu dân cư xã Hoài Phú (Thôn Lương Thọ 2)	ONT	Xã Hoài Phú	**1,39**	0,94	0,94		0,45																												

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
10	Khu dân cư xã Hoài Phú: - Khu dân cư Ngõ Mến đến ngõ Nẫm giáp Ngõ Thuộc cầu Xéo; - Khu dân cư Cự Lễ; - KDC Lương Thọ 2.	ONT	Xã Hoài Phú	**0,33**	0,25	0,25		0,08								0,00																			
		ONT	Xã Hoài Phú	**0,98**	0,93	0,93			0,01							0,04																			
		ONT	Xã Hoài Phú	**0,48**	0,14	0,14		0,33									0,01																		
11	Khu tái định cư phục vụ GPMB để thi công tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ	ONT	Xã Hoài Mỹ	**0,70**	0,70	0,70																													
12	Khu tái định cư phục vụ công trình: Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	ONT	Xã Hoài Mỹ	**1,70**				0,20	0,80			0,20												0,50											
13	Khu dân cư xã Hoài Châu	ONT	Xã Hoài Châu	**4,76**	1,79	1,79		1,63	0,23							0,01								0,54		0,04	0,18		0,04				0,04	0,26
14	Khu dân cư xã Hoài Châu: - Khu dân cư thôn Hội An; - Khu dân cư thôn Tân Trung.	ONT	Xã Hoài Châu	**4,33**	3,13	3,13		0,36								0,40	0,35							0,01									0,04	0,04
		ONT	Xã Hoài Châu	**1,29**	0,76	0,76		0,52								0,01																			
15	Khu dân cư và tái định cư tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	**5,27**	4,87	4,87		0,36	0,02																								0,02	
2.1.2.10	**Đất ở tại đô thị**			**306,52**	**132,02**	**127,13**	**4,89**	**95,88**	**35,93**			**7,08**			**1,04**	**4,70**	**1,17**		**0,02**	**0,71**	**0,34**		**0,04**	**0,02**	**8,45**		**0,20**		**7,95**	**2,36**	**0,04**	**0,18**	**0,86**	**1,54**	**5,99**
1	Khu dân cư dọc tuyến thuộc tuyến đường thay thế đường Trần Phú	ODT	Phường Hoài Hảo	**2,60**	1,50	1,50		0,88	0,22																										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
		ODT	Phường Tam Quan	**3,82**	3,50	3,50		0,32																													
2	Khu đô thị mới phía Bắc Khu dân cư Phú Mỹ Lộc dọc QL1A cũ và QL1A mới	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**5,47**	5,00	5,00		0,16									0,04																	0,27	
		ODT	Phường Tam Quan	**4,50**	4,50	4,50																															
3	Khu tái định cư phục vụ công trình: Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**15,50**	5,90	5,90		9,10	0,50																												
		ODT	Phường Tam Quan Nam	**1,00**																	0,30																0,70
4	Khu tái định cư phục vụ GPMB xây dựng công trình đường giao thông và dân cư dọc tuyến đường Thái Lợi	ODT	Phường Tam Quan	**2,44**	2,30	2,30			0,07							0,05			0,02																		
		ODT	Phường Tam Quan Nam	**0,60**					0,06			0,40																					0,12		0,02	

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
5	Khu dân cư Phúc Gia Tân	ODT	Phường Hoài Tân	**4,01**				1,92	0,80							0,62									0,02				0,03						0,62
		ODT	Phường Bồng Sơn	**0,17**				0,13																					0,03						
6	Khu Hành chính, dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng giai đoạn 1- kỳ 2 và giai đoạn 2	ODT	Phường Bồng Sơn	**19,44**				6,46	9,92							2,38								0,02	0,10				0,51		0,04			0,01	
7	Khu tái định cư vùng thiên tai Bàu Rong	ODT	Phường Bồng Sơn	**1,40**				0,20	0,20																				1,00						
8	Khu dân cư đường Hai Bà Trưng	ODT	Phường Bồng Sơn	**6,38**	3,60	3,60		1,28	0,54							0,04	0,01								0,68				0,06					0,02	0,15
9	Đất xây dựng nhà ở xã hội; Khu phố Thiết Đính Bắc, KDC Liêm Bình; Khu dân cư - dịch vụ chợ nông sản	ODT	Phường Bồng Sơn	**7,00**	2,00	2,00		4,90																	0,10										
10	Khu dân cư, thương mại Biên Cương - Nguyễn Trân	ODT	Phường Bồng Sơn	**3,01**				1,20	1,50							0,10									0,01				0,10						0,10
11	Dịch vụ dân cư dọc sông Lại Giang	ODT	Phường Bồng Sơn	**20,00**				20,00																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
12	Khu dân cư Đồng Giống	ODT	Phường Bồng Sơn	**1,84**	1,34	1,34		0,50																												
13	Khu dân cư khu phố 2 phường Bồng Sơn; khu dân cư Tây Bắc chợ	ODT	Phường Bồng Sơn	**5,92**	4,00	4,00		1,10																	0,80											0,02
14	Khu dân cư dịch vụ Bồng Sơn	ODT	Phường Bồng Sơn	**16,90**				9,40	6,00																0,50					1,00						
15	Khu dân cư đường Hoàng Văn Thụ	ODT	Phường Bồng Sơn	**0,33**	0,28	0,28			0,05																											
16	Khu dân cư sân vận động cũ	ODT	Phường Bồng Sơn	**0,02**												0,02																				
17	Khu dân cư phường Hoài Xuân (năm 2022 chuyển tiếp)	ODT	Phường Hoài Xuân	**4,62**	2,31	2,31		1,48	0,45																0,31										0,04	0,04

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
		LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
18	Khu dân cư phường Hoài Xuân: - Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Vĩnh Phụng 1 và Hoà Trung 2); Khu dân cư phường Hoài Xuân (Khu phố Vĩnh Phụng 1 và Song Khánh 2); - Đất ở đô thị năm 2023 .	ODT	Phường Hoài Xuân	**3,89**	2,85	2,85		0,54	0,25															0,21										0,04
		ODT	Phường Hoài Xuân	**4,49**	4,25	4,25		0,22																0,01									0,01	0,01
19	Khu dân cư phường Hoài Đức (Khu phố Bình Chương Nam, phía Đông đường bê tông); Khu dân cư phường Hoài Đức (khu phố Bình Chương Nam) - Giai đoạn 2)	ODT	Phường Hoài Đức	**5,07**	5,04	5,04		0,02																												0,01
20	Khu dân cư phường Hoài Đức	ODT	Phường Hoài Đức	**2,52**	1,76	1,76		0,43	0,02						0,11		0,08			0,10															0,02	
21	Khu dân cư phường Hoài Đức	ODT	Phường Hoài Đức	**0,65**	0,01	0,01		0,64																												
22	Khu đô thị, thương mại - dịch vụ phía Tây Bàu Hồ	ODT	Phường Hoài Hương	**12,32**	4,20		4,20	3,70	1,01															1,20				2,10					0,01	0,10

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
23	Khu dân cư phường Hoài Hương (Khu dân cư Thiện Đức Bắc; KDC Ca Công; KDC Thiện Đức; KDC Nhuận An; KDC Phú An)	ODT	Phường Hoài Hương	**2,51**				2,04	0,17																											0,30
24	Khu dân cư phường Hoài Hương (khu phố Thiện Đức Bắc và Phú An)	ODT	Phường Hoài Hương	**1,16**	0,47		0,47	0,67	0,01																									0,01		
25	Khu phố thương mại, dịch vụ thuộc khu đô thị Phú Mỹ Tân (thuộc Khu đô thị Phú Mỹ Tân)	ODT	Phường Hoài Tân	**10,17**	9,05	9,05										0,56	0,56																			
26	Khu dân cư phường Hoài Tân (các khu dân cư nhỏ lẻ)	ODT	Phường Hoài Tân	**5,89**	2,11	2,00	0,11	1,63	0,73						0,25										0,01										1,16
27	Khu dân cư phường Hoài Tân (Khu dân cư phía Nam đường Trường Lái - Đình Trung, khu phố An Dưỡng 1; Khu dân cư đường Tây tỉnh từ tổ 8 khu phố Giao Hội; Khu dân cư Nam lò gạch ông Thiệu khu phố Đệ Đức)	ODT	Phường Hoài Tân	**1,70**	0,52	0,41	0,11	0,93							0,25										0,00										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
28	Khu dân cư phường Hoài Tân (Khu phố Giao Hội 2); Khu dân cư phường Hoài Tân (khu phố Giao Hội 2, trên đường Vũ Đình Huấn)	ODT	Phường Hoài Tân	**0,96**	0,40	0,40		0,56																												
29	Các khu dân cư trên địa bàn phường năm 2023	ODT	Phường Hoài Tân	**4,24**	3,00	3,00			1,10											0,14																
30	Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây (Khu dân cư trường Tiểu học số 2, thuộc Khu phố Ngọc An Tây; Khu dân cư và đất giáo dục (Phía Đông - Nam trạm y tế phường); Khu dân cư và Thương mại dịch vụ của hợp tác xã Lương Sơn; Khu dân cư từ trụ sở Tài Lương 4 mới QH; Khu dân cư tại trường mẫu giáo Tài Lương 1; Khu dân cư tại trường mẫu giáo Ngọc An Đông); khu dân cư Ngọc An Trung; Khu dân cư Phía Nam khu hành chính Tài Lương 3)	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**9,78**	4,11	4,11		3,38	1,50											0,25									0,04	0,50						
31	Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây (khu phố Ngọc An Trung); Khu dân cư khu phố Tài Lương 1 (rộc ông trĩ) phường Hoài Thanh Tây; Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây (khu phố Ngọc An Trung, sân bãi Ngọc An); Khu tái định cư phục vụ GPMB dự án: Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế đường Trần Phú	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**3,18**	2,43	2,43		0,18								0,01														0,42				0,14	
32	Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây: khu dân cư khu phố Ngọc Sơn Bắc; Khu dân cư khu phố Ngọc Sơn Nam	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**1,10**				1,00																	0,10										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
33	Khu trung tâm thương mại – dịch vụ đô thị Hoài Thanh Tây (trụ sở cũ phường Hoài Thanh Tây)	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**5,80**	2,50	2,50		2,41	0,47																					0,42						
34	Khu dân cư Phường Hoài Hảo	ODT	Phường Hoài Hảo	**10,82**	5,00	5,00		4,10	0,50								0,29			0,05					0,27		0,20								0,25	0,16
35	Khu dân cư Phường Hoài Hảo (bao gồm khu tái định cư phục vụ GPMB dự án: Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường thay thế đường Trần Phú)	ODT	Phường Hoài Hảo	**3,64**	1,52	1,52		1,11	0,30																0,70										0,01
36	Khu dân cư Phường Hoài Thanh (KH2022 chuyển tiếp)	ODT	Phường Hoài Thanh	**4,16**	2,92	2,92		0,87	0,06																									0,07	0,24

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
37	Khu dân cư phường Hoài Thanh (khu phố An Dinh 1 và Mỹ An 2); Khu dân cư phường Hoài Thanh (khu phố Mỹ An 2)	ODT	Phường Hoài Thanh	**1,44**	0,72	0,72		0,27	0,45																												
38	Khu dân cư Phường Hoài Thanh (đăng ký mới năm 2023: khu phố Mỹ An 2; khu phố Mỹ An 2- Gò A; khu phố Mỹ An 2; khu phố Mỹ An 1; khu phố Lâm Trúc 2; khu phốAn Lộc 1)	ODT	Phường Hoài Thanh	**7,66**	2,46	2,46		0,32	1,22						0,43		0,19								2,73										0,02	0,29
39	Khu đô thị Khang Mỹ Lộc, phường Tam Quan Bắc, TX. Hoài Nhơn	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**15,70**	9,26	9,26			0,75			0,75				0,67				0,17					0,62				2,21				0,74	0,23	0,30
40	Khu dân cư phường Tam Quan Bắc (Khu dân cư trường Xuân Tây (phía Tây nhà ông Phan Ngọc Hường)	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**9,79**	0,72	0,72		2,40	3,02			3,65																									
41	Khu tái định cư công trình quảng trường biển tại phường Tam Quan Bắc, thị xã hoài Nhơn	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**0,87**																			0,04						0,07							0,76
42	Khu dân cư khu phố Công Thạnh	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**1,09**					0,19																				0,90							
43	Khu dân cư phía Đông QL1A cũ khu phố Công Thạnh phường Tam Quan Bắc	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**7,87**				4,62	0,38			2,28																	0,14					0,29	0,16
44	Khu đô thị mới phía Nam cây xăng dầu Việt Hưng	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**9,38**	8,98	8,98		0,40																													
		ODT	Phường Tam Quan	**0,52**	0,52	0,52																															

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
45	Khu dịch vụ - thương mại và dân cư Phú Mỹ Lộc	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**6,37**	5,28	5,28		1,00																								0,09			
46	Khu dân cư Phú Mỹ Lộc	ODT	Phường Tam Quan	**1,35**				0,25	0,25																				0,76			0,09			
47	Khu dân cư phường Tam Quan: Khu phố 1;Khu phố 3; Khu phố 4; Khu phố 6; Khu phố 2; Khu phố 5; Khu phố 7; Khu phố 8; Khu phố 9	ODT	Phường Tam Quan	**5,13**	1,55	1,55		1,21	1,53							0,25					0,04				0,01					0,02				0,02	0,50
48	Khu dân cư Thái Mỹ (giai đoạn 2)	ODT	Phường Tam Quan	**2,40**	1,00	1,00		0,80	0,60																										
49	Khu dân cư phía Bắc đường Sương Nguyệt Ánh	ODT	Phường Tam Quan	**0,80**	0,80	0,80																													
50	Khu dân cư chòm Cồn (khu phố 3)	ODT	Phường Tam Quan	**1,00**	0,30	0,30		0,60	0,10																										
51	Khu dân cư phường Tam Quan (khu phố 3); Khu dân cư phường Tam Quan (khu phố 2, phía Đông đường Triệu Việt Vương)	ODT	Phường Tam Quan	**4,65**	3,94	3,94		0,5	0,13																0,02									0,03	0,03

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																							Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
52	Khu dân cư phường Tam Quan Nam (khu phố Tăng Long 1); Khu dân cư phường Tam Quan Nam (khu phố Tăng Long 1, phía sau KDC phường đầu tư)	ODT	Phường Tam Quan Nam	**3,73**	3,33	3,33		0,02																										0,10	0,28
53	Khu dân cư phường Tam Quan Nam năm 2023	ODT	Phường Tam Quan Nam	**1,85**	1,85	1,85																													
53	Đất ở đô thị và quảng trường	ODT	Phường Hoài Xuân	**3,90**	2,94	2,94		0,03	0,88																0,05										
2.1.2.11	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**			**0,82**				**0,50**	**0,10**																**0,14**				**0,08**						
1	Xây dựng mở rộng trụ sở UBND phường Bồng Sơn	TSC	Phường Bồng Sơn	**0,82**				0,50	0,10																0,14				0,08						
2.2	**Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất**			**39,37**				**3,99**	**32,38**	**3,00**																									
2.2.1	**ĐẤT NÔNG NGHIỆP**			**10,00**				**2,50**	**4,50**	**3,00**																									
2.2.1.1	**Đất trồng cây lâu năm**																																		
2.2.1.2	**Đất rừng phòng hộ**																																		
2.2.1.3	**Đất nuôi trồng thủy sản**			**10,00**				**2,50**	**4,50**	**3,00**																									
1	Nuôi trồng thủy sản công nghệ tiên tiến ven cửa biển An Dũ	NTS	Phường Hoài Hương	**5,00**				1,00	2,00	2,00																									
		NTS	Phường Hoài Thanh	**5,00**				1,50	2,50	1,00																									
2.2.1.4	**Đất nông nghiệp khác**																																		
2.2.2	**ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**			**29,37**				**1,49**	**27,88**																										
2.2.2.1	**Đất thương mại dịch vụ**																																		
2.2.2.2	**Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp**																																		
2.2.2.3	**Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**																																		
2.2.2.4	**Đất ở nông thôn**			**8,22**				0,54	7,68																										

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Mỹ	**2,00**					2,00																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Phú	**0,85**					0,85																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	**2,00**				0,20	1,80																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Sơn	**0,95**				0,12	0,83																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Hải	**1,10**				0,10	1,00																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ONT	Xã Hoài Châu	**1,32**				0,12	1,20																											
2.2.2.5	**Đất ở đô thị**			**21,15**				0,95	20,20																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Tam Quan Nam	**1,65**				0,15	1,50																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Tam Quan	**2,00**					2,00																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Xuân	**1,50**					1,50																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Thanh	**2,00**					2,00																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Hảo	**2,00**					2,00																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Đức	**2,00**					2,00																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Bồng Sơn	**2,00**					2,00																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Tân	**2,00**				0,20	1,80																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Tam Quan Bắc	**2,00**				0,20	1,80																											

TT	Danh mục các công trình, dự án	Mã KH	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đăng ký	Đất nông nghiệp									Đất phi nông nghiệp																						Đất chưa sử dụng
					Đất trồng lúa	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp		Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất quốc phòng	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã											Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất ở tại nông thôn	Đất ở tại đô thị	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	Đất cơ sở tín ngưỡng	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	
										Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất					Đất giao thông	Đất thuỷ lợi	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	Đất xây dựng cơ sở y tế	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	Đất công trình năng lượng	Đất công trình bưu chính, viễn thông	Đất cơ sở tôn giáo	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	Đất chợ									
					LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	NKH	CQP	SKC	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	TON	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	TIN	SON	MNC	CSD
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Hương	**2,00**				0,20	1,80																											
x	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở (cùng thửa đất có nhà ở)	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	**2,00**				0,20	1,80																											
	Tổng cộng:	**x**		**1.954,40**	**448,83**	**382,99**	**65,84**	**270,34**	**329,92**	**7,52**	**613,21**	**45,32**	**0,23**	**0,82**	**1,95**	**35,72**	**17,06**	**0,04**	**1,02**	**1,49**	**1,28**	**0,01**	**0,04**	**0,02**	**41,69**	**1,00**	**0,64**	**12,22**	**30,37**	**3,73**	**0,11**	**0,23**	**42,65**	**3,52**	**43,43**